

Số: ~~7415~~ /UBND-GDĐT
Về việc hướng dẫn quy trình
thực hiện hỗ trợ học phí cho
học sinh tiểu học tư thục ở địa
bàn không đủ trường công lập
năm học 2024-2025

Quận 7, ngày 10 tháng 11 năm 2024

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 7;
- UBND Phường Tân Thuận Đông Quận 7;
- UBND Phường Tân Kiểng Quận 7;
- UBND Phường Tân Hưng Quận 7;
- UBND Phường Tân Bình Thuận Quận 7;
- UBND Phường Tân Quy Quận 7;
- UBND Phường Phú Mỹ Quận 7;
- Hiệu trưởng các cơ sở tiểu học tư thục và các cơ sở giáo dục phổ thông nhiều cấp học tư thục (trong đó có cấp tiểu học).

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định 81/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh để hỗ trợ học phí (Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND);

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3542/QĐ-UBND về công nhận danh sách địa bàn không đủ trường tiểu học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024 - 2025 (Quyết định số 3542/QĐ-UBND);

Căn cứ Quyết định số 4953/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7;

Căn cứ Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc sửa đổi, bổ sung phân công công tác Chủ tịch UBND Quận 7 và Phó Chủ tịch UBND Quận 7,

Ủy ban nhân dân quận triển khai quy trình thực hiện hỗ trợ học phí cho học sinh



tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

1. Đối tượng, mức và thời gian hỗ trợ

a. Đối tượng: Học sinh tiểu học cư trú trên địa bàn Phường Tân Thuận Đông, Phường Tân Kiểng, Phường Tân Hưng, Phường Bình Thuận, Phường Tân Quy và Phường Phú Mỹ Quận 7 (theo quy định tại Phụ lục đính kèm Quyết định số 3542/QĐ-UBND), đang học tại các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Về xác nhận thông tin học sinh đang theo học tại cơ sở giáo dục:

- Trường có đủ Quyết định thành lập, Quyết định về cho phép hoạt động giáo dục, Quyết định về việc công nhận Hiệu trưởng (Phó Hiệu trưởng) do cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp thì Hiệu trưởng (Phó Hiệu trưởng) cơ sở giáo dục tiểu học và cơ sở giáo dục phổ thông nhiều cấp học (trong đó có cấp tiểu học), loại hình tư thục đó có đủ cơ sở pháp lý để xác nhận học sinh đang học tại trường.

- Thủ trưởng các đơn vị cung cấp: Thông tin chuyên khoản của cơ sở giáo dục, các hồ sơ minh chứng cho Phòng Giáo dục và Đào tạo bao gồm: Quyết định thành lập, Quyết định về cho phép hoạt động giáo dục (hoặc tương đương), Quyết định về việc công nhận Hiệu trưởng (Phó Hiệu trưởng) nhằm đảm bảo tính pháp lý khi xác nhận các thông tin học sinh đang học tại trường.

b. Mức hỗ trợ: theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND.

Cấp học	Mức học phí (Đồng/học sinh/tháng)	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Tiểu học	60.000	30.000

Nhóm 1: Học sinh học tại các trường ở thành phố Thủ Đức và các quận: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân.

Nhóm 2: Học sinh học tại các trường ở các huyện: Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè và Cần Giờ.

c. Thời gian hỗ trợ: Thực hiện hỗ trợ 01 lần vào cuối năm học theo mức hỗ trợ như trên và theo số tháng thực học (không quá 9 tháng/năm học).

d. Thời gian: Hoàn thành hồ sơ gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo nơi học sinh cư trú trước ngày 10 tháng 6 hằng năm.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện, dự toán, thanh quyết toán ngân sách

a. Trình tự, thủ tục

Cơ sở giáo dục tiểu học có trách nhiệm triển khai Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; Quyết định số 3542/QĐ-UBND đến toàn bộ học sinh, cha mẹ học sinh và thực hiện tiếp nhận hồ sơ của học sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị chi trả tiền hỗ trợ đóng học phí (Mẫu đơn theo phụ lục VI Nghị định 81/2021/NĐ-CP).

- Giấy khai sinh và giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b. Về xét duyệt, thẩm định hồ sơ và phương thức thực hiện

+ Giao Cơ sở giáo dục tiểu học

- Hiệu trưởng Cơ sở giáo dục tiểu học căn cứ trên hồ sơ của học sinh tại điểm a mục 2 của Công văn này (trình tự, thủ tục) và địa bàn được quy định theo Quyết định số 3542/QĐ-UBND để xét duyệt hồ sơ.

- Sau khi xét duyệt hồ sơ, Hiệu trưởng Cơ sở giáo dục tiểu học có trách nhiệm gửi danh sách học sinh được hưởng chính sách kèm theo hồ sơ và thông tin tài khoản của đơn vị về Phòng Giáo dục và Đào tạo: **nơi học sinh cư trú để được thẩm định.**

- Tiếp nhận kinh phí chuyển khoản từ Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Chịu trách nhiệm chi trả cho đúng đối tượng được hỗ trợ tiền đóng học phí (khuyến khích thực hiện bằng hình thức chuyển khoản), đồng thời có trách nhiệm thực hiện hồ sơ quyết toán gồm danh sách học sinh được hỗ trợ học phí (có ký nhận) về Phòng Giáo dục và Đào tạo nơi học sinh cư trú theo quy định.

- Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục ở địa bàn không đủ trường tiểu học năm học 2024-2025 theo đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận.

+ Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận căn cứ số lượng học sinh cư trú trên địa bàn đang học tại các trường tư thục để làm cơ sở xây dựng dự toán (kèm theo hồ sơ xác nhận đối tượng được hỗ trợ), thẩm định và lập dự toán kinh phí hỗ trợ đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục tư thục gửi Phòng Tài chính Kế hoạch quận tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân quận trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

- Tiếp nhận hồ sơ của các Cơ sở giáo dục tiểu học, tổng hợp theo phường học sinh cư trú;

- Chuyển danh sách học sinh về UBND phường sau khi tổng hợp từ Cơ sở giáo dục tiểu học.

- Tiếp nhận danh sách học sinh cư trú trên địa bàn Phường Tân Thuận Đông, Phường Tân Kiểng, Phường Tân Hưng, Phường Bình Thuận, Phường Tân Quy và Phường Phú Mỹ (có xác nhận của UBND) năm học 2024-2025.

- Chịu trách nhiệm rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, chuyển khoản kinh phí được hỗ trợ tiền đóng học phí cho Cơ sở giáo dục tiểu học (theo danh sách học sinh được hưởng chính sách kèm theo hồ sơ và thông tin tài khoản của đơn vị).

- Thanh quyết toán: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

- Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân quận báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đóng học phí cho học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục ở địa bàn không đủ trường tiểu học năm học 2024 - 2025 về Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố theo quy định.

+ Giao UBND phường

- Tiếp nhận danh sách học sinh cư trú trên địa bàn phường từ Phòng Giáo dục và Đào tạo.
- Chỉ đạo Trường ban điều hành khu phố, Công an phường kiểm tra, xác nhận học sinh cư trú trên địa bàn phường không đủ trường tiểu học năm học 2024-2025.
- Chuyển danh sách học sinh cư trú trên địa bàn phường (có xác nhận của UBND) về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

+ Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng học phí cho gia đình học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục tư thục không đủ trường công lập trên địa bàn quận theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố hàng năm, trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán, bổ sung dự toán ngân sách cho UBND quận thực hiện.

3. Thời gian thực hiện

- Từ ngày 06/11/2024 đến 25/11/2024: ban hành Công văn hướng dẫn quy trình;
- Từ ngày 06/5/2025 đến ngày 31/5/2025: Cơ sở giáo dục tiểu học nhận hồ sơ từ cha mẹ học sinh;
- Từ ngày 01/6/2025 đến ngày 09/6/2025: Cơ sở giáo dục tiểu học chuyển hồ sơ về Phòng Giáo dục và Đào tạo (gồm hồ sơ và file mềm theo mẫu);
- Từ ngày 10/6/2025: Phòng Giáo dục và Đào tạo nhận hồ sơ và chuyển danh sách về UBND phường để xác minh nơi cư trú của học sinh;
- Từ sau ngày 10/6/2025 đến ngày 27/6/2025: UBND phường chuyển danh sách đã xác minh nơi cư trú của học sinh về Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Từ sau ngày 27/6/2025: Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định hồ sơ học sinh, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp kinh phí hỗ trợ học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục tư thục trình cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán kinh phí ngân sách;

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND có hiệu quả, UBND quận đề nghị thủ trưởng các cơ quan liên quan và các Cơ sở giáo dục tiểu học quan tâm thực hiện.

(Đính kèm Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; Quyết định số 3542/QĐ-UBND và các biểu mẫu). *T. [Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GD&ĐT;
- Chủ tịch UBND quận;
- Lưu: VT, PGDĐT.



Q. CHỦ TỊCH

Châu Xuân Đại Thắng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập tại
Thành phố Hồ Chí Minh để hỗ trợ học phí**

UBND TP.HCM



52006/C-270723
10:20

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và
biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của
Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc
hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí
học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Xét Tờ trình số 3103/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí xác
định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh để
hỗ trợ học phí; Báo cáo thẩm tra số 525/BC-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2023
của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ
họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định về tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

- Phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tiêu chí 01: phường, xã, thị trấn không có cơ sở giáo dục tiểu học loại hình công lập và chính quyền phường, xã, thị trấn không bố trí được dân số độ tuổi cấp tiểu học trên địa bàn học tại các cơ sở giáo dục tiểu học loại hình công lập ở các phường, xã, thị trấn lân cận.

2. Tiêu chí 02: xã, phường, thị trấn có cơ sở giáo dục tiểu học, loại hình công lập, nhưng không đáp ứng được quy mô dân số độ tuổi cấp tiểu học trên địa bàn, định mức học sinh/lớp cấp tiểu học theo quy định, cụ thể:

$$\frac{\text{Dân số độ tuổi cấp tiểu học}}{\text{Tổng số phòng học văn hóa cấp tiểu học công lập}} > 35$$

Trong đó:

35 là định mức học sinh/lớp theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 16 Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Dân số độ tuổi cấp tiểu học (từ 6 đến 11 tuổi): Cục Thống kê Thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện cung cấp số liệu dân số độ tuổi cấp tiểu học theo địa bàn xã, phường, thị trấn.

Tổng số phòng học văn hóa cấp tiểu học công lập: Tổng số phòng học văn hóa dành cho cấp tiểu học trong các cơ sở giáo dục tiểu học, loại hình công lập, trú đóng trên địa bàn xã, phường, thị trấn. Số liệu do Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện tổng hợp, cung cấp.

Xã, phường, thị trấn thuộc một trong hai tiêu chí nêu trên được xác định là địa bàn không đủ trường tiểu học công lập.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố hằng năm ban hành Quyết định công

nhận danh sách địa bàn không đủ trường tiểu học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Điều 2 Nghị quyết này theo từng năm học.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy TP.HCM;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP.HCM;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Các sở, ban, ngành TP.HCM;
- HĐND-UBND TP Thủ Đức, 05 huyện, xã, thị trấn;
- UBND các quận, phường;
- Trung tâm Công báo TP.HCM;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND-Tuyên).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3542 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận danh sách địa bàn không đủ trường tiểu học công lập
tại Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của
Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc
hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí
học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí
đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn,
giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí xác định địa bàn không đủ
trường tiểu học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh để hỗ trợ học phí;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số
4969/TTr-SGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh sách công nhận địa bàn
không đủ trường tiểu học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024 -
2025 (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng cho năm học
2024 - 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,
Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- UBND.TP Thủ Đức và các quận, huyện;
- VPUB: các PCVP;
- Phòng VX;
- Lưu: VT, (VX-VN)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thị Diệu Thúy



PHỤ LỤC
DANH SÁCH ĐỊA BÀN KHÔNG ĐỦ TRƯỜNG TIỂU HỌC CÔNG LẬP
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3542 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Thành phố Thủ Đức, quận, huyện	Xã, phường, thị trấn (không đủ trường tiểu học công lập theo tiêu chí)	Tiêu chí 01	Tiêu chí 02	Minh chứng Tiêu chí 02			Ghi chú
					Dân số độ tuổi cấp tiểu học	Tổng số Phòng học văn hóa cấp tiểu học công lập	Tỷ lệ dân số/phòng học	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)/(7)	
1	Quận 6	Phường 2		x	610	15	40,7	
2	Quận 6	Phường 4		x	732	15	48,8	
3	Quận 6	Phường 10		x	2.109	35	60,3	
4	Quận 6	Phường 11		x	3.088	67	46,1	
5	Quận 6	Phường 12		x	2.246	40	56,2	
6	Quận 6	Phường 13		x	1.926	42	45,9	
7	Quận 7	phường Tân Thuận Đông		x	2.903	41	70,8	
8	Quận 7	phường Tân Kiểng		x	2.358	49	48,1	
9	Quận 7	phường Tân Hưng		x	2.912	35	83,2	
10	Quận 7	phường Bình Thuận		x	2.374	44	54,0	
11	Quận 7	phường Tân Quy		x	1.801	40	45,0	
12	Quận 7	phường Phú Mỹ		x	2.412	66	36,5	
13	Quận 8	Phường 4		X	3.029	52	58,3	
14	Quận 8	Phường 16		x	2.709	41	66,1	
15	Quận 10	Phường 8	x		524			
16	Quận 10	Phường 10	x		497			
17	Quận 10	Phường 9		x	643	10	64,3	
18	Quận 10	Phường 11		x	398	10	39,8	
19	Quận 11	Phường 3	x		1.640			
20	Quận 11	Phường 13	x		667			
21	Quận 11	Phường 5		x	2.114	48	44,0	
22	Quận 11	Phường 6		x	604	17	35,5	
23	Quận 11	Phường 11		x	667	10	66,7	
24	Quận 11	Phường 14		x	564	16	35,3	
25	Quận 11	Phường 16		x	1.083	28	38,7	
26	Quận 12	phường Thạnh Xuân		x	6.985	52	134,3	
27	Quận 12	phường Thạnh Lộc		x	5.583	35	159,5	
28	Quận 12	phường Hiệp Thành		x	8.495	103	82,5	
29	Quận 12	phường Thới An		x	4.493	52	86,4	
30	Quận 12	phường Tân Chánh Hiệp		x	6.099	44	138,6	
31	Quận 12	phường An Phú Đông		x	4.011	48	83,6	
32	Quận 12	phường Tân Thới Hiệp		x	4.342	45	96,5	
33	Quận 12	phường Trung Mỹ Tây		x	3.664	42	87,2	

STT	Thành phố Thủ Đức, quận, huyện	Xã, phường, thị trấn (không đủ trường tiểu học công lập theo tiêu chí)	Tiêu chí 01	Tiêu chí 02	Minh chứng Tiêu chí 02			Ghi chú
					Dân số độ tuổi cấp tiểu học	Tổng số Phòng học văn hóa cấp tiểu học công lập	Tỷ lệ dân số/phòng học	
34	Quận 12	phường Tân Hưng Thuận		x	3.078	23	133,8	
35	Quận 12	phường Tân Thới Nhất		x	6.284	146	43,0	
36	TP Thủ Đức	phường An Lợi Đông	x		115			
37	TP Thủ Đức	phường Thủ Thiêm	x		21			
38	TP Thủ Đức	phường Cát Lái		x	1.637	30	54,6	
39	TP Thủ Đức	phường An Khánh		x	2.320	34	68,2	
40	TP Thủ Đức	phường An Phú		x	3.656	91	40,2	
41	TP Thủ Đức	phường Bình Chiểu		x	6.930	106	65,4	
42	TP Thủ Đức	phường Bình Thới		x	3.508	84	41,8	
43	TP Thủ Đức	phường Bình Trưng Đông		x	3.096	72	43,0	
44	TP Thủ Đức	phường Bình Trưng Tây		x	2.555	51	50,1	
45	TP Thủ Đức	phường Hiệp Bình Chánh		x	5.590	62	90,2	
46	TP Thủ Đức	phường Hiệp Bình Phước		x	5.680	81	70,1	
47	TP Thủ Đức	phường Linh Chiểu		x	2.432	62	39,2	
48	TP Thủ Đức	phường Linh Đông		x	2.991	71	42,1	
49	TP Thủ Đức	phường Linh Tây		x	1.874	24	78,1	
50	TP Thủ Đức	phường Linh Trung		x	4.585	109	42,1	
51	TP Thủ Đức	phường Linh Xuân		x	4.519	103	43,9	
52	TP Thủ Đức	phường Long Bình		x	2.748	71	38,7	
53	TP Thủ Đức	phường Long Thạnh Mỹ		x	2.566	67	38,3	
54	TP Thủ Đức	phường Long Trường		x	2.126	40	53,2	
55	TP Thủ Đức	phường Phú Hữu		x	1.477	26	56,8	
56	TP Thủ Đức	phường Phước Bình		x	2.146	48	44,7	
57	TP Thủ Đức	phường Phước Long B		x	4.170	109	38,3	
58	TP Thủ Đức	phường Tam Bình		x	2.120	32	66,3	
59	TP Thủ Đức	phường Tam Phú		x	2.972	56	53,1	
60	TP Thủ Đức	phường Tân Phú		x	2.564	52	49,3	
61	TP Thủ Đức	phường Tăng Nhơn Phú A		x	3.101	76	40,8	
62	TP Thủ Đức	phường Tăng Nhơn Phú B		x	2.653	32	82,9	
63	TP Thủ Đức	phường Thạnh Mỹ Lợi		x	2.891	63	45,9	
64	TP Thủ Đức	phường Thảo Điền		x	1.443	37	39,0	
65	TP Thủ Đức	phường Trường Thạnh		x	2.322	48	48,4	
66	TP Thủ Đức	phường Trường Thới		x	3.364	29	116,0	
67	quận Tân Bình	Phường 2		x	1.500	31	48,4	
68	quận Tân Bình	Phường 3		x	570	15	38,0	
69	quận Tân Bình	Phường 5		x	1.174	20	58,7	
70	quận Tân Bình	Phường 6		x	2.148	58	37,0	
71	quận Tân Bình	Phường 8		x	1.121	22	51,0	
72	quận Tân Bình	Phường 9		x	2.353	28	84,0	
73	quận Tân Bình	Phường 10		x	4.291	58	74,0	
74	quận Tân Bình	Phường 12		x	3.637	83	43,8	

STT	Thành phố Thủ Đức, quận, huyện	Xã, phường, thị trấn (không đủ trường tiểu học công lập theo tiêu chí)	Tiêu chí 01	Tiêu chí 02	Minh chứng Tiêu chí 02			Ghi chú
					Dân số độ tuổi cấp tiểu học	Tổng số Phòng học văn hóa cấp tiểu học công lập	Tỷ lệ dân số/phòng học	
75	quận Tân Bình	Phường 13		x	3.826	72	53,1	
76	quận Tân Bình	Phường 14		x	2.625	41	64,0	
77	quận Tân Bình	Phường 15		x	4.279	102	42,0	
78	quận Tân Phú	phường Hiệp Tân		x	2.263	44	51,4	
79	quận Tân Phú	phường Hòa Thạnh		x	2.660	50	53,2	
80	quận Tân Phú	phường Phú Thạnh		x	3.660	69	53,0	
81	quận Tân Phú	phường Phú Thọ Hòa	x		4.153			
82	quận Tân Phú	phường Phú Trung		x	2.778	46	60,4	
83	quận Tân Phú	phường Sơn Kỳ		x	4.149	30	138,3	
84	quận Tân Phú	phường Tân Quý		x	5.979	79	75,7	
85	quận Tân Phú	phường Tân Sơn Nhì		x	3.287	80	41,1	
86	quận Tân Phú	phường Tân Thành		x	2.951	43	68,6	
87	quận Tân Phú	phường Tân Thới Hòa		x	1.881	42	44,8	
88	quận Tân Phú	phường Tây Thạnh		x	4.102	34	120,6	
89	quận Gò Vấp	Phường 9	x		1.533			
90	quận Gò Vấp	Phường 12	x		3.607			
91	quận Gò Vấp	Phường 3		x	2.812	55	51,1	
92	quận Gò Vấp	Phường 5		x	2.344	37	63,4	
93	quận Gò Vấp	Phường 6		x	1.606	28	57,4	
94	quận Gò Vấp	Phường 7		x	1.418	27	52,5	
95	quận Gò Vấp	Phường 10		x	2.245	46	48,8	
96	quận Gò Vấp	Phường 11		x	2.593	59	43,9	
97	quận Gò Vấp	Phường 14		x	2.928	80	36,6	
98	quận Gò Vấp	Phường 15		x	2.200	59	37,3	
99	quận Gò Vấp	Phường 17		x	2.625	22	119,3	
100	quận Bình Thạnh	Phường 7	x		1.374			
101	quận Bình Tân	phường Bình Hưng Hòa		x	7.285	173	42,1	
102	quận Bình Tân	phường Bình Hưng Hòa A		x	6.236	96	65,0	
103	quận Bình Tân	phường Bình Hưng Hòa B		x	11.375	240	47,4	
104	quận Bình Tân	phường Bình Trị Đông		x	6.022	100	60,2	
105	quận Bình Tân	phường Bình Trị Đông A		x	3.176	42	75,6	
106	quận Bình Tân	phường Bình Trị Đông B		x	2.973	66	45,0	
107	quận Bình Tân	phường An Lạc		x	4.603	79	58,3	
108	quận Bình Tân	phường Tân Tạo		x	6.152	92	66,9	
109	quận Bình Tân	phường Tân Tạo A		x	4.635	76	61,0	
110	huyện Hóc Môn	xã Bà Điểm		x	7.242	130	55,7	
111	huyện Hóc Môn	xã Đông Thạnh		x	7.118	155	45,9	
112	huyện Hóc Môn	xã Thới Tam Thôn		x	7.242	168	43,1	

STT	Thành phố Thủ Đức, quận, huyện	Xã, phường, thị trấn (không đủ trường tiểu học công lập theo tiêu chí)	Tiêu chí 01	Tiêu chí 02	Minh chứng Tiêu chí 02			Ghi chú
					Dân số độ tuổi cấp tiểu học	Tổng số Phòng học văn hóa cấp tiểu học công lập	Tỷ lệ dân số/phòng học	
113	huyện Hóc Môn	xã Trung Chánh		x	2.906	44	66,0	
114	huyện Hóc Môn	xã Xuân Thới Thượng		x	7.271	88	82,6	
115	huyện Bình Chánh	xã Vĩnh Lộc A		x	10.368	124	83,6	
116	huyện Bình Chánh	xã Vĩnh Lộc B		x	8.409	85	98,9	
117	huyện Củ Chi	xã Trung An		x	1.141	30	38,0	
118	huyện Nhà Bè	thị trấn Nhà Bè		x	4.461	86	51,9	
119	huyện Nhà Bè	xã Phú Xuân		x	3.762	53	71,0	
120	huyện Nhà Bè	xã Nhơn Đức		x	3.140	46	68,3	
121	huyện Nhà Bè	xã Phước Kiển		x	4.619	79	58,5	

** Ghi chú: Danh sách gồm: 121 phường, xã, thị trấn được xác định là địa bàn không đủ trường tiểu học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024-2025. Riêng Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, quận Phú Nhuận, huyện Cần Giờ không có phường, xã, thị trấn thỏa mãn một trong hai tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố.*